

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỆ THỦY
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2018/HS - ST

Ngày: 29 - 11 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Trung Tuân

Ông Trương Hải Nam

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quảng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Dương Đại Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Quảng Bình, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 34/2018/HSST ngày 02/11/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2018/QĐXXST-HS ngày 09/11/2018 đối với các bị cáo:

1. Trần Văn P (tên gọi khác: C), sinh ngày 24/9/1998 tại L, Quảng Bình; nơi cư trú: Thôn H, xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Không nghề; trình độ văn hóa: Lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn V sinh năm 1969, con bà Nguyễn Thị M (đã chết); tiền án: 01(Ngày 28/9/2017 bị Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Quảng Bình xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”, thời gian thử thách 12 tháng; tiền sự: Không; nhân thân: Sinh ra và lớn lên được bố mẹ nuôi cho ăn học đến lớp 7/12 thì nghỉ học, lao động phụ giúp gia đình(Năm 2017 bị Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Quảng Bình xử phạt 06 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản” tại bản án số 28/2017/HSST ngày 28/9/2017.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 21/8/2018 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Anh T (tên gọi khác: B), sinh ngày 15/5/1990, tại L, Quảng Bình; nơi cư trú: Thôn H, xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Không nghề; trình độ văn hóa: Lớp 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1954, con bà Vương Thị P, sinh năm 1955; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Sinh ra và lớn lên được cha mẹ nuôi cho ăn học đến lớp 11/12 thì nghỉ học lao động phụ giúp gia đình, năm 2011 bị

công an thị trấn Lê N, huyện L, tỉnh Quảng Bình xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản, năm 2012 bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xử phạt 09 tháng tù về tội “Gây rối trật tự nơi công cộng”.

3. Nguyễn Ái Q (tên gọi khác: C), sinh ngày 01/11/1987, tại L, Quảng Bình; nơi cư trú: Thôn H, xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyệt Tất V (Đã chết), con bà Trương Thị L, sinh năm 1959; chung sống như vợ chồng với Phạm Thị Hồng H, sinh năm 2000; con: Có 02 đứa, (lớn nhất sinh năm 2017, nhỏ nhất sinh năm 2018); tiền sự: Ngày 30/10/2017 bị công an huyện Lê T xử phạt hành chính về hành vi “Vận chuyển lâm sản trái phép”; tiền án: Không; nhân thân: Sinh ra và lớn lên được cha mẹ nuôi cho ăn học đến lớp 12/12 thì nghỉ học lao động phụ giúp gia đình, năm 2010 bị Tòa án nhân dân huyện L xử phạt 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”, năm 2012 bị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xử phạt 04 năm tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, ngày 15/3/2016 chấp hành xong hình phạt tù trở về làm ăn sinh sống tại địa phương, đến ngày 30/10/2017 bị công an huyện L xử phạt hành chính về hành vi “Vận chuyển lâm sản trái phép”.

- *Người bị hại:*

Bà Hà Thị T, sinh 1970; địa chỉ: Thôn H, xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

- *Người làm chứng:*

Bà Đoàn Thị L, sinh năm 1967, địa chỉ: Thôn H, xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

Bà Trương Thị L, sinh năm 1958, địa chỉ: Thôn H, xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 12 giờ ngày 08/7/2018, Trần Văn P đến nhà Nguyễn Anh T chơi, sau đó rủ T đi trộm cắp tài sản, T đồng ý, trên đường đi P kể cho T nghe chuyện ở gần nhà P có người dắt trộm bò trong nhà đem đi bán, nên Tài bảo để T gọi điện thoại cho Q con bà L ở H, S với ý định tìm mối tiêu thụ trâu bò sau khi trộm được, đến khoảng 15 giờ cùng ngày T gọi điện cho Nguyễn Ái Q hỏi: “Có mua trâu, bò không”, Q hỏi: “Trâu hay bò”, T nói: “Ừng loại chi”, Q nói: “Loại chi cũng được”, rồi T nói với P: “Được rồi”. Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày P, T đi bộ đến gần nhà Văn hóa thôn T, xã S, T đứng ở đó còn P đi đến nhà chị Hà Thị T ở H, S, thấy có 02 con trâu đang cột dây ở sau vườn nhà, P đến tháo dây dắt trộm một con đưa đến chỗ T, rồi cả hai cùng dắt trâu trộm được đến nhà Nguyễn Ái Q. Khoảng 01 giờ 30 ngày 09/7/2018 Tài, P bán con trâu trộm được cho Nguyễn

Ái Q với giá 3.000.000đ, Q biết rõ là trâu do T, P trộm cắp mà có nhưng vẫn mua, sau đó Q nói chưa có tiền nên P, T ra về. Khoảng 03 giờ cùng ngày Q và chị Đoàn Thị L làm thịt con trâu, khi mổ thì phát hiện trong bụng có 01 con trâu con, Q bán thịt và xương trâu cho người không quen biết với giá 4.000.000đ, số thịt và xương còn lại bà Trương Thị L (mẹ của Q) đưa đi chợ bán được 1.000.000đ, con trâu con Q để lại trong nhà sử dụng. Sáng ngày 09/7/2018, T đến gặp Q để lấy tiền, Q đưa cho T 2.000.000đ, T đưa cho P 1.500.000đ, T giữ lại 500.000đ, đến sáng ngày 12/7/2018 Q đưa tiếp cho Tài 1.000.000đ, sau đó T đưa cho P. Số tiền bán trâu T, P tiêu xài hết.

Ngày 21/8/2018, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện L đã kết luận con trâu mà T, P trộm cắp của chị T đem bán cho Q có trị giá 18.000.000đ

Về vật chứng:

Cơ quan công an huyện L đã tạm giữ số tiền 2.000.000đ do Nguyễn Ái Q đem nộp(tiền thu lợi bất chính).

Về dân sự:

Bị hại chị Hà Thị T yêu cầu các bị cáo bồi thường 23.000.000đ(trong đó trị giá con trâu là 18.000.000đ; công đi tìm trâu là 10.000.000đ), bị cáo Nguyễn Ái Q đã bồi thường 6.000.000đ, bị cáo Nguyễn Anh T bồi thường 1.000.000đ, bị cáo Trần Văn P chưa bồi thường.

Bản Cáo trạng số 31/CT-VKSLT ngày 02/11/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L truy tố Trần Văn P và Nguyễn Anh T về tội”Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của bộ luật hình sự; truy tố Nguyễn Ái Q về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử căn áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt Trần Văn P từ 12 tháng đến 15 tháng tù về tội: “ Trộm cắp tài sản”; áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Anh T từ 09 tháng đến 12 tháng tù về tội: “ Trộm cắp tài sản”; áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Ái Q từ 24 tháng đến 30 tháng cải tạo không giam giữ về tội: “ Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Tại phiên tòa các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình, đồng thời xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên toà các bị cáo Trần Văn P, Nguyễn Anh T, Nguyễn Ái Q khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu mà cơ quan điều tra đã thu thập được.

[2] Về hành vi, quyết định của cơ quan Điều tra, cơ quan Viện kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hay khiếu nại gì.

[3] Bị cáo Trần Văn P và bị cáo Nguyễn Anh T lợi dụng sự sơ hở của người bị hại, đã có hành vi lén lút lấy trộm con trâu của chị Hà Thị T, giá trị tài sản mà P, T chiếm đoạt đến 18.000.000đ(Mười tám triệu đồng). Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền tài sản của người khác được pháp luật bảo hộ, gây bất bình hoang mang trong quần chúng nhân dân tại địa phương, cần xử lý nghiêm.

Như vậy đã có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận: Hành vi của các bị cáo Trần Văn P, Nguyễn Anh T đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ;

đ) Tài sản là di vật, cổ vật”...

Trong vụ án này các bị cáo Trần Văn P, Nguyễn Anh T thực hiện hành vi phạm tội có đồng phạm, nhưng không có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ nên không thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức.

Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án:

Bị cáo Trần Văn P là người khởi xướng rủ rê Nguyễn Anh T trộm cắp tài sản, khi phạm tội bị cáo đang trong thời gian chấp hành thử thách của án treo(Ngày 28/9/2017 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Lệ T, tỉnh Quảng Bình xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội”Trộm cắp tài sản”, thời gian thử thách là 12 tháng) là thuộc trường hợp tái phạm. Vì vậy, sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử nhất trí cần áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời

gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người tốt có ích cho xã hội và mang tính phòng ngừa chung. Đồng thời áp dụng khoản 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo tại bản án số 28/2017/HSST ngày 28/9/2017 thành 06 tháng tù, đồng thời áp dụng khoản 2 Điều 56, khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt của 02 bản án buộc bị cáo phải chấp hành.

Đối với bị cáo Nguyễn Anh T thực hiện hành vi trộm cắp tài sản cùng với bị cáo P, mặc dù không phải là người chủ mưu cầm đầu, nhưng khi nghe P rủ trộm cắp tài sản bị cáo cũng tích cực cùng P thực hiện hành vi trộm cắp, bản thân bị cáo cũng đã từng bị xử phạt 09 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”. Vì vậy, sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử nhất trí cần áp dụng khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm răn đe, giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người tốt và để mang tính phòng ngừa chung. Tuy nhiên qua nghiên cứu toàn bộ nội dung vụ án xét thấy tại cơ quan Điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo cũng đã bồi thường một phần cho bị hại, nên cũng cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự để xem xét cho bị cáo khi lượng hình là phù hợp với đề nghị của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa.

[4] Bị cáo Nguyễn Ái Q biết trâu do Phú, Tài trộm cắp mà có đem bán, nhưng do hám lợi nên đã mua với giá 3.000.000đ, con trâu mà Q mua của P, T trộm cắp của chị T có trị giá 18.000.000đ. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 của Bộ luật hình sự.

Tại khoản 1 Điều 323 của bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000đ đến 100.000.000đ, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”...

Sau khi thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo đã nộp 2.000.000đ tiền thu lợi bất chính và đã bồi thường 6.000.000đ cho người bị hại, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hiện tại bị cáo đang nuôi 02 con còn nhỏ(sinh năm 2017 và 2018), vì vậy cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự để xem xét cho bị cáo được cải tạo giáo dục tại địa phương là cũng đủ nghiêm và cũng phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa bị hại chị Hà Thị T yêu cầu các bị cáo phải bồi thường 23.000.000đ(trong đó trị giá con trâu bị mất là 18.000.000đ và 5.000.000đ tiền công mà vợ chồng chị đi tìm trâu), tại phiên tòa các bị cáo đều chấp nhận bồi thường số tiền trên. Vì vậy cần buộc các bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho chị Hà Thị T số tiền 23.000.000đ, trong đó theo phần của mỗi bị cáo là 7.666.666đ.

Bị cáo Nguyễn Ái Q đã bồi thường 6.000.000đ, vì vậy cần buộc bị cáo phải bồi thường tiếp số tiền còn lại là 1.666.666đ; bị cáo Nguyễn Anh T đã bồi thường 1.000.000đ, vì vậy cần buộc bị cáo bồi thường số tiền còn lại là 6.666.666đ; bị cáo Trần Văn P chưa bồi thường, vì vậy cần buộc bị cáo phải bồi thường 7.666.666đ.

Về vật chứng: Đối với số tiền 2.000.000đ bị cáo Nguyễn Ái Q đã nộp(tiền thu lợi bất chính) cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

Các bị cáo phải chịu án phí theo luật định.

Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1/ Tuyên bố: Các bị cáo Trần Văn P và Nguyễn Anh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Bị cáo Nguyễn Ái Q phạm tội “ Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

2/ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự, xử phạt: Trần Văn P 15(Mười lăm) tháng tù. Thời hạn tính từ ngày tạm giam(21/8/2018).

Áp dụng khoản 5 Điều 65; khoản 2 Điều 56; khoản 1 Điều 55 của Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt 06(Sáu) tháng tù của bản án số 28/2017/HSST ngày 28/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Quảng Bình và 15(Mười lăm) tháng tù của bản án số 44/2018/HSST ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện L T, tỉnh Quảng Bình buộc bị cáo Trần Văn P phải chấp hành là 21(hai một) tháng tù. Thời hạn tính từ tạm giam(21/8/2018).

3/ Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, xử phạt: Nguyễn Anh Tài 09(Chín)tháng tù. Thời hạn tính từ ngày tạm giam(21/8/2018).

4/ Áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 của Bộ luật hình sự, xử phạt: Nguyễn Ái Q 24(Hai bốn) tháng cải tạo không giam giữ, miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo. Thời hạn kể từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Nguyễn Ái Q cho UBND xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình để giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt.

5/ Áp dụng khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 587, Điều 589 của Bộ luật dân sự, xử buộc các bị cáo Trần Văn P, Nguyễn Anh T, Nguyễn Ái Q phải chịu trách nhiệm liên đới bồi thường cho chị Hà Thị T số tiền còn lại là 16.000.000đ(Mười sáu triệu đồng). Trong đó phần của bị cáo Trần Văn P là 7.666.666đ(Bảy triệu sáu trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm sáu mươi sáu đồng); phần của bị cáo Nguyễn Anh T là 6.666.666đ(Sáu triệu sáu trăm sáu mươi sáu

ngàn sáu trăm sáu mươi sáu đồng); phần của bị cáo Nguyễn Ái Q là 1.666.666đ(Một triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn sáu trăm sáu mươi sáu đồng).

6/ Áp dụng khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự xử, tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 2.000.000đ(tiền thu lợi bất chính) mà bị cáo Nguyễn Ái Q đã nộp(tất cả có đặc điểm như biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu).

7/ Bị cáo Trần Văn P phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 383.333 đồng để sung công quỹ nhà nước; bị cáo Nguyễn Anh T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 333.333 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước; bị cáo Nguyễn Ái Q phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước;

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án(29/11/2018) các bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình để yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm. /.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người bị hại;
- VKS huyện L;
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- THADS huyện L;
- THAHS;
- STP tỉnh Quảng Bình;
- Lưu VP và hồ sơ vụ án.

(Đã Ký)

Nguyễn Văn Dương